TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **50**/2017/HNGĐ-ST
Ngày:06/10/2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Nguyên Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Giới
2. Ông Lê Quang Thìn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* **Bà Bùi Thị Dung** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Lâm N**, sinh năm 1980 (Có mặt).

*Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn T,** sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Cùng trú tại: ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 29 tháng 6 năm 2017 cũng như tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lâm N trình bày.

Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Lâm N và anh Nguyễn Văn T chung sống và có đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh N vào năm 1998. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu cũng hạnh phúc nhưng đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn do giữa chị N và anh T bất đồng quan điểm sống và quan điểm nuôi dạy con cái. Ngoài ra ra anh T ham chơi bời, không chí thú làm ăn dẫn đến mâu thuẫn về kinh tế gia đình nên giữa hai người thường phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị N yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: quá trình chung sống chị N và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn L, sinh năm 2000 và Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2002

Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề chung khác: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị N không yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án vắng mặt không có lý do dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử về cơ bản là đúng quy định của pháp luật. Tòa án còn thụ lý vụ án chưa đúng theo quy định tại Điều 191 BLTTDS và chậm gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản đúng quy định của pháp luật trong Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Lâm N; về con chung, tài sản chung và các khoản nợ chung tòa án không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

- 01 Bản sao chứng minh nhân dân của chị N

-01 bản sao sổ hộ khẩu của anh T và chị N

- 01 Bản chính giấy kết hôn số 24/1998 ngày 02/12/1998 do Ủy ban nhân dân xã T, huyên L, tỉnh N cấp cho chị Nguyễn Thị Lâm Ng và anh Nguyễn Văn T.

- 01 Biên bản xác minh ngày 02/8/2017 về tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Lâm N và anh Nguyễn Văn T chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy bản nhân dân xã T, huyện L, tỉnh N vào năm 1998.

- Về con chung: có 2 con chung là cháu cháu là cháu Nguyễn Văn L, sinh năm 2000 và Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2002.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất và không thống nhất được:

Nguyên đơn chị N yêu cầu Tòa án cho ly hôn với bị đơn anh T

Bị đơn anh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1.Về thẩm quyền của tòa án:

Đây là vụ án tranh chấp ly hôn do nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lâm N thực hiện quyền khởi kiện. Do bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

Trước đây và tại phiên toà, nguyên đơn chị N vẫn giữa nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn bị đơn anh Nguyễn Văn T.

2. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Lâm N và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh N. Việc kết hôn tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị N và anh T hạnh phúc trong thời gian đầu nhưng đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị N và anh T bất đồng quan điểm sống, cách nuôi dạy con cái, ngoài ra anh T không chí thú làm ăn dẫn đến hai người thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau. Nay xác định tình cảm dành cho anh T không còn nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh bị đơn anh Nguyễn Văn T.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, không có bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn điều đó chứng tỏ anh T không tôn trọng đời sống hôn nhân của mình mặc nhiên đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Xét thấy, tình cảm của chị Nguyên dành cho anh T đã không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của cuộc hôn nhân giữa hai người không đạt được. Vì vậy, cần tuyên xử cho chị Nguyễn Thị Lâm N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về con chung: Không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết do các bên đương sự không yêu cầu

4.Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 8, 9, 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147,227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Tuyên xử cho chị Nguyễn Thị Lâm N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T

2. Về con chung: Do các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Là 300.000 đồng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lâm N phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024118 ngày 10/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lâm N được quyền kháng cáo. Bị đơn anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước;
-VKSND huyện Đồng Phú;
-THADS huyện Đồng Phú;
- UBND xã Tân Phước;
-Các đương sự;
-Lưu HS, BP.HNGĐ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Nguyên Hoàng

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 8, 9, 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Tuyên xử cho chị Nguyễn Thị Lâm Nguyên được ly hôn với anh Nguyễn Văn Thành

2. Về con chung: Do các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Là 300.000 đồng,nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lâm Nguyên phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024118 ngày 10/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lâm Nguyên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn Nguyễn Văn Thành có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa**